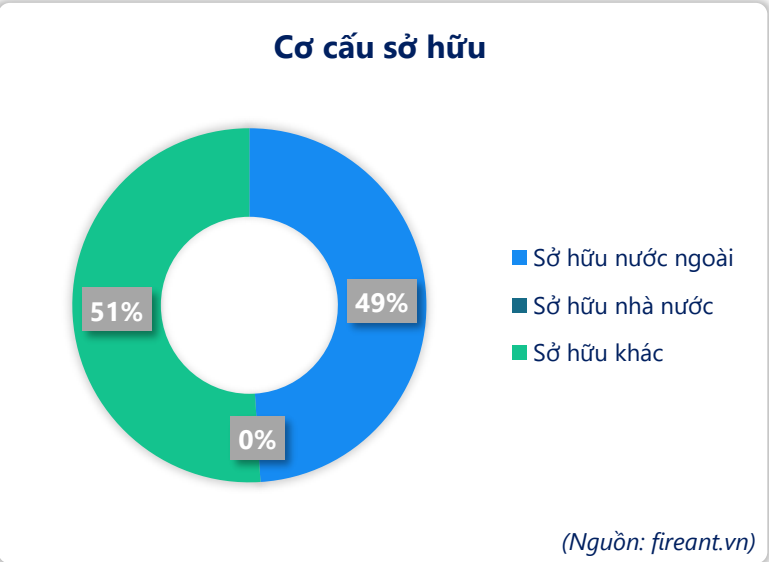
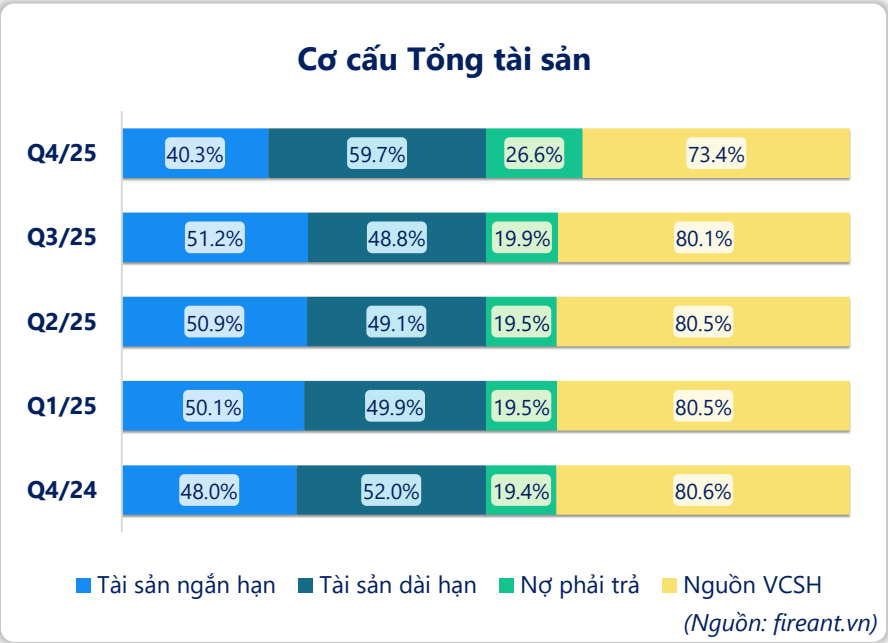
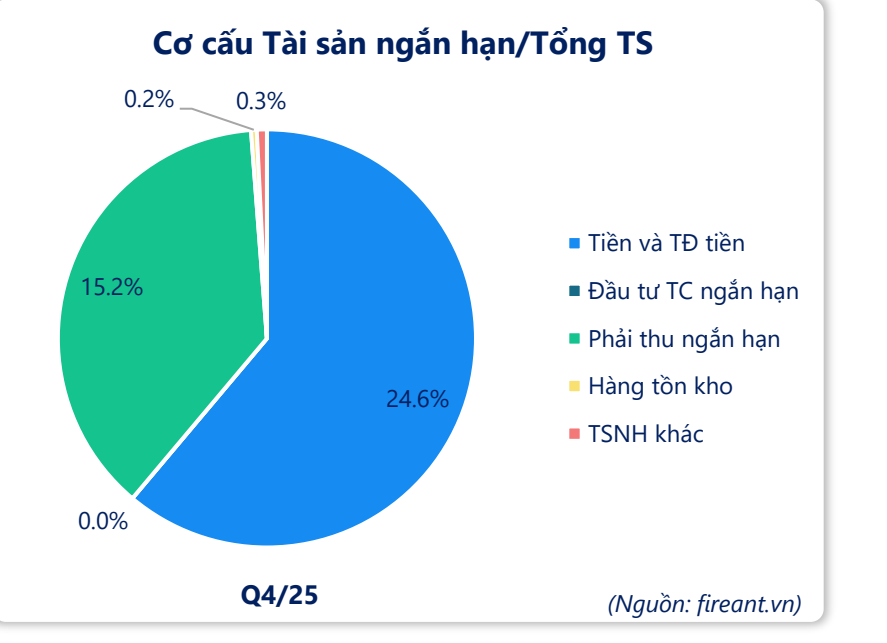
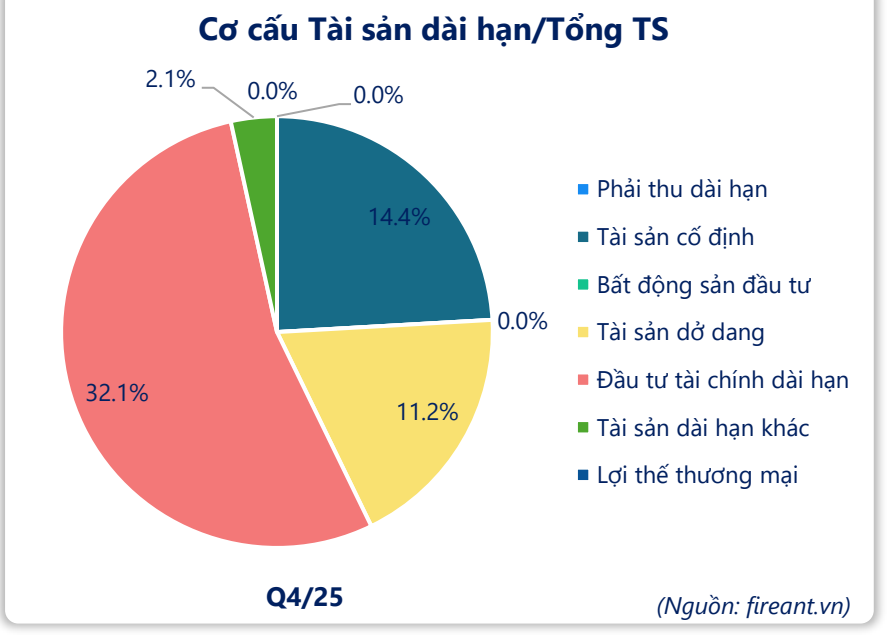
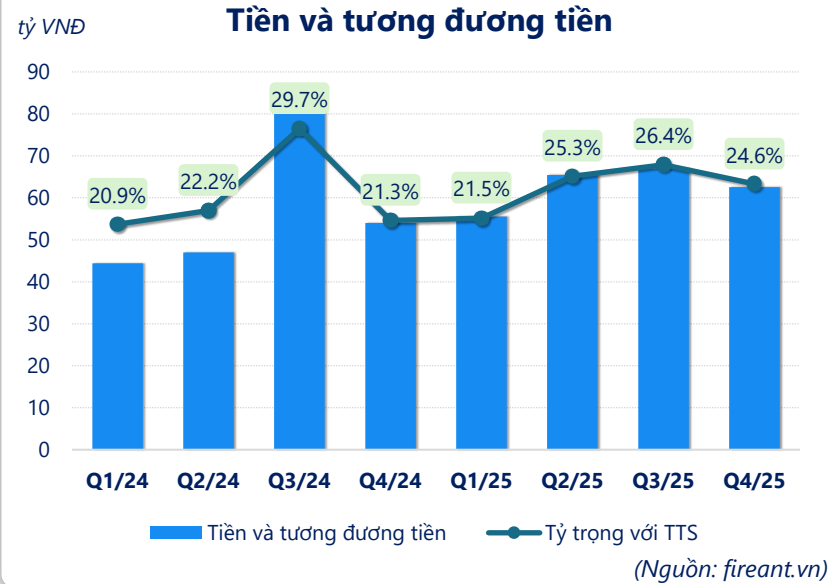
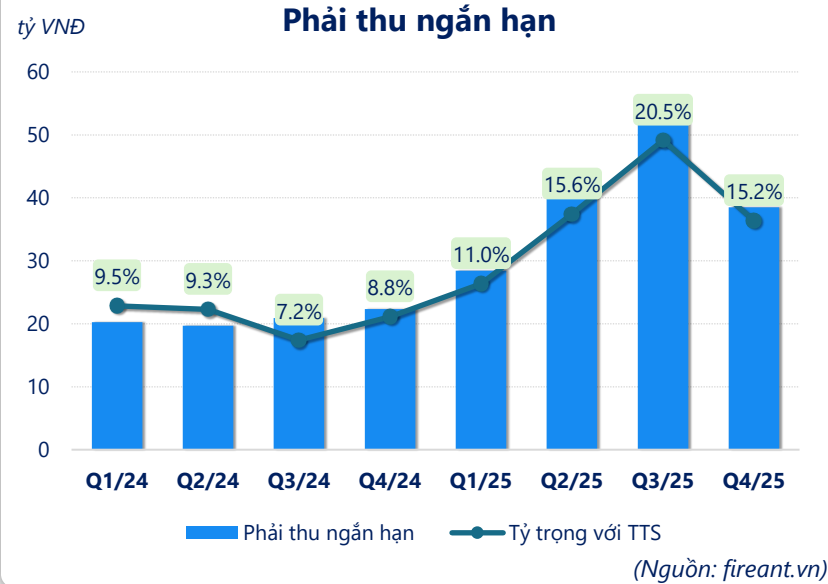
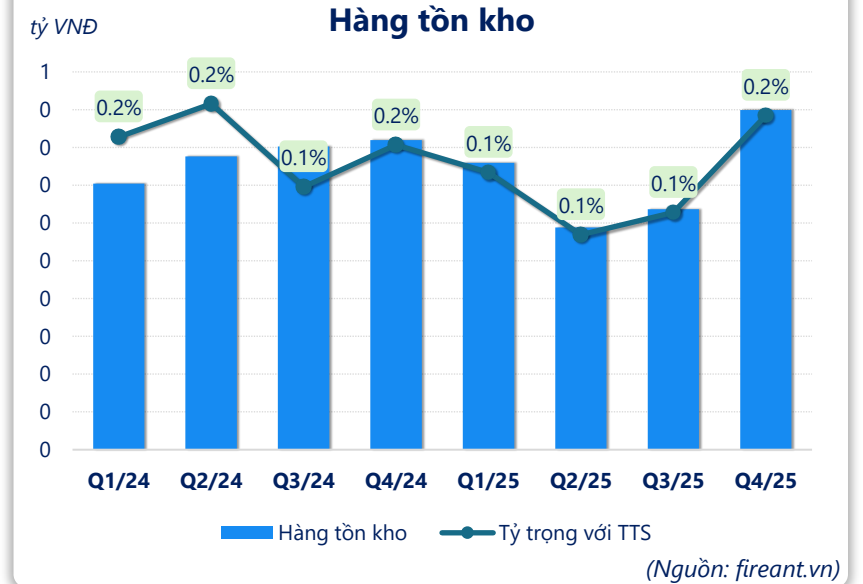
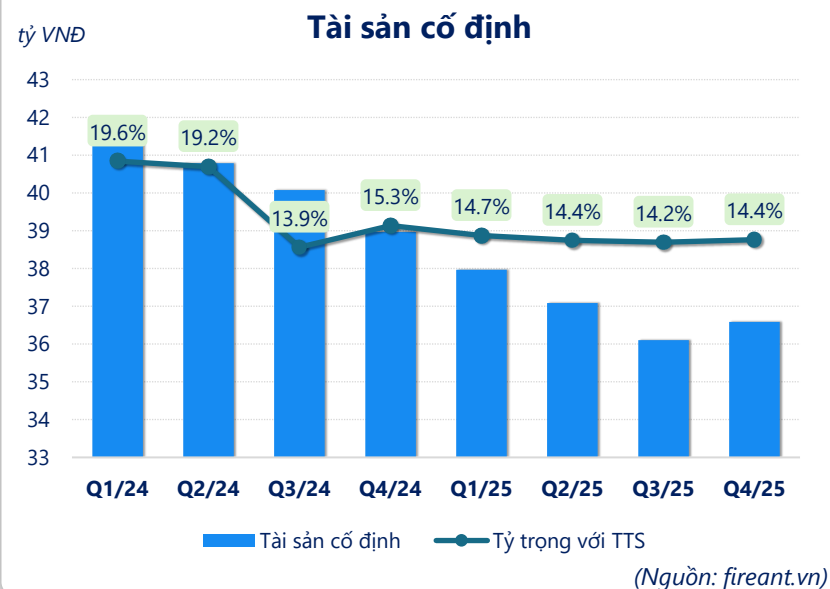
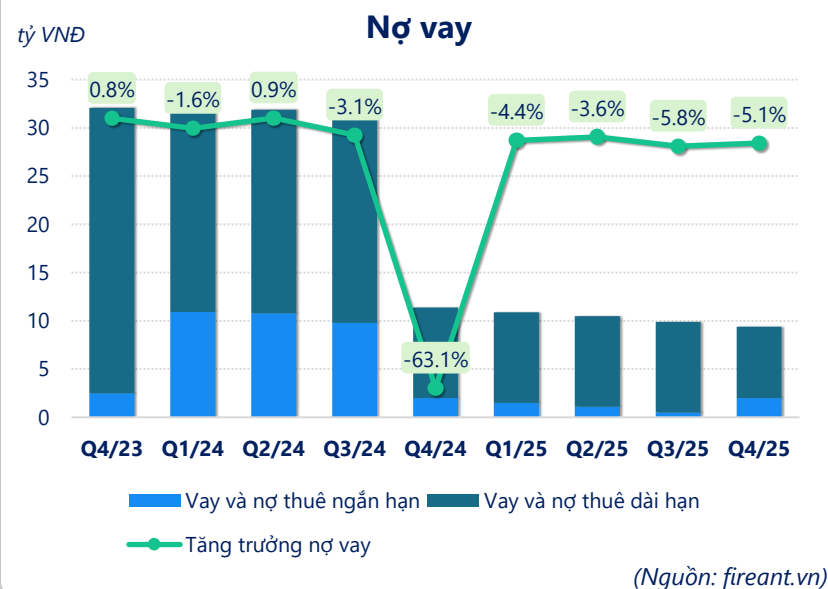
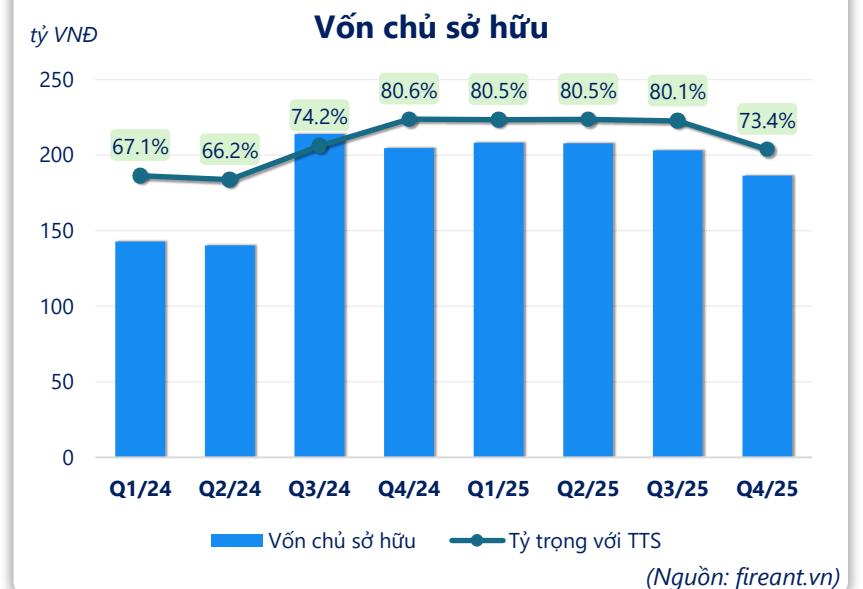
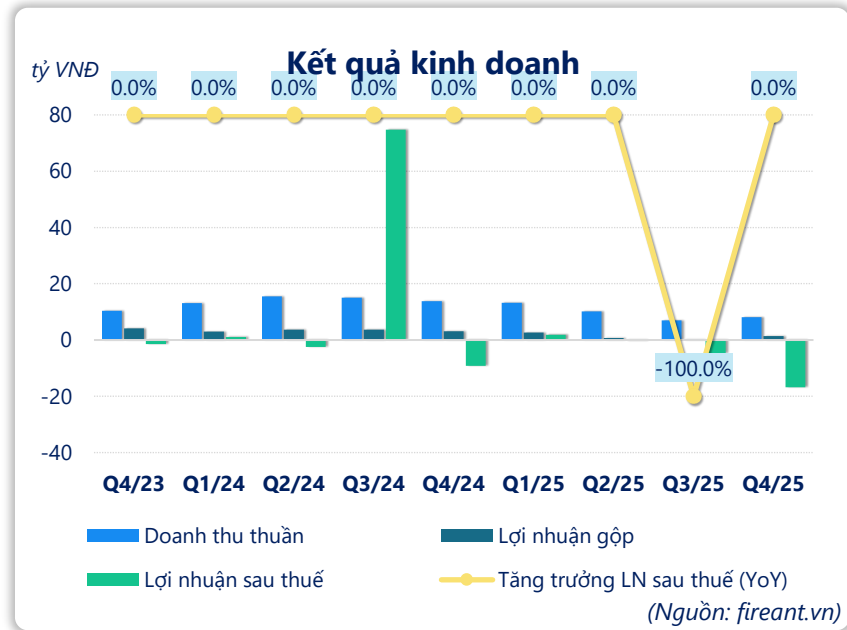
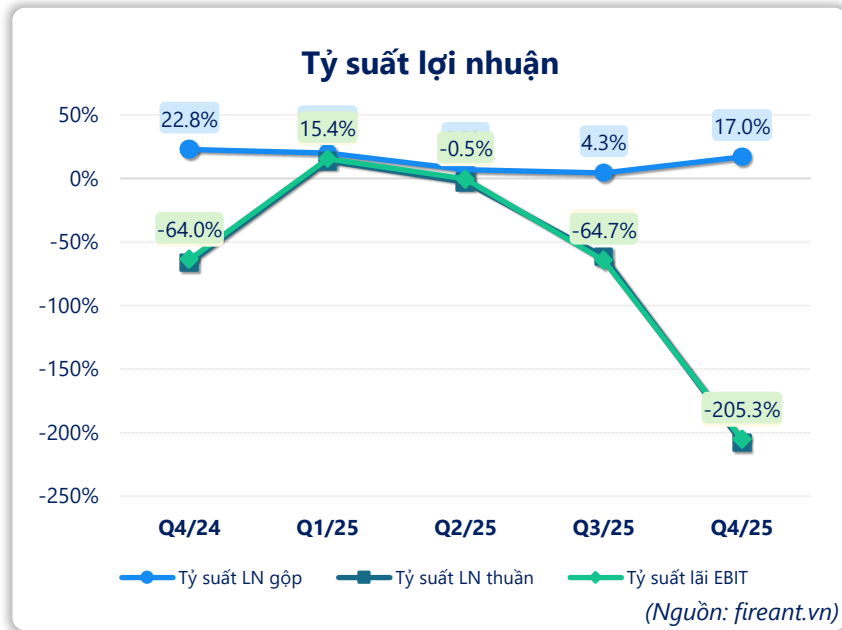
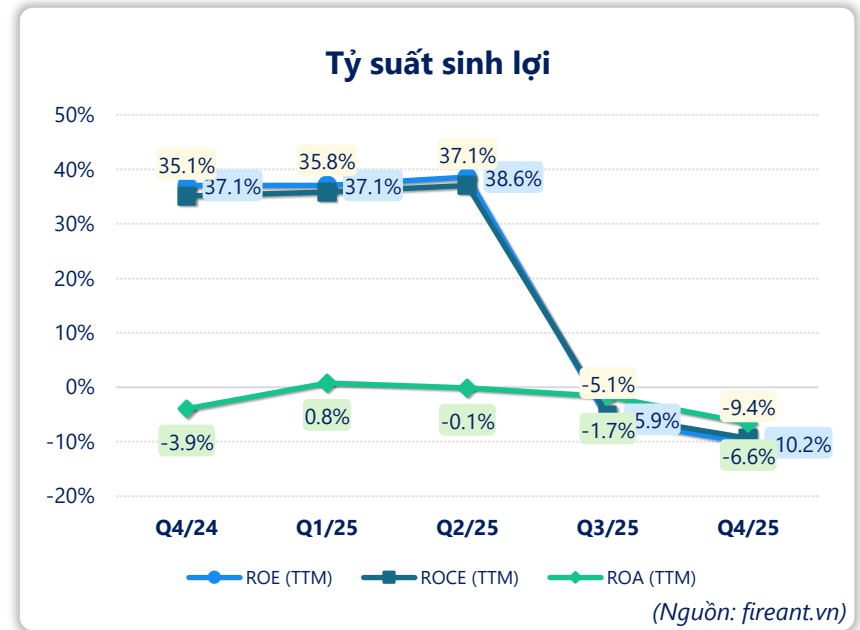
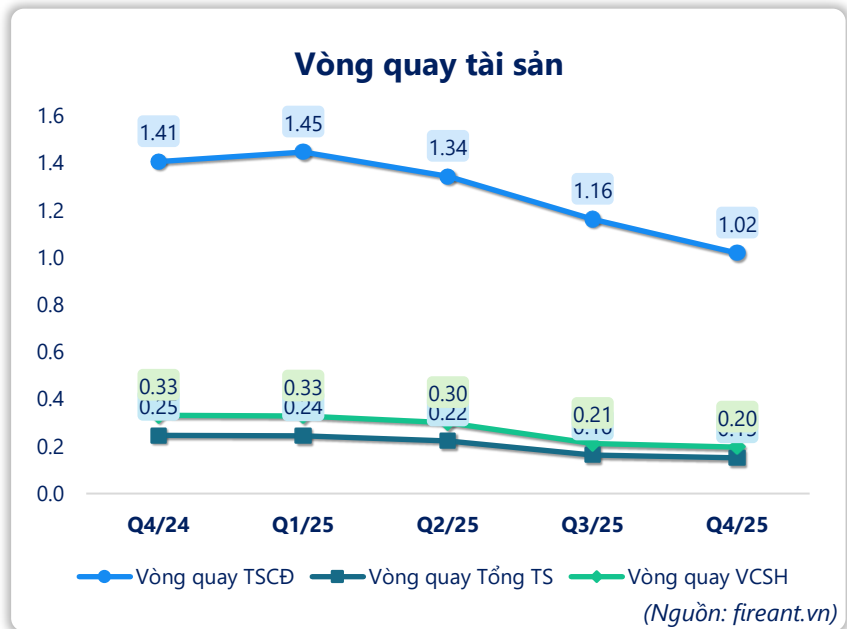
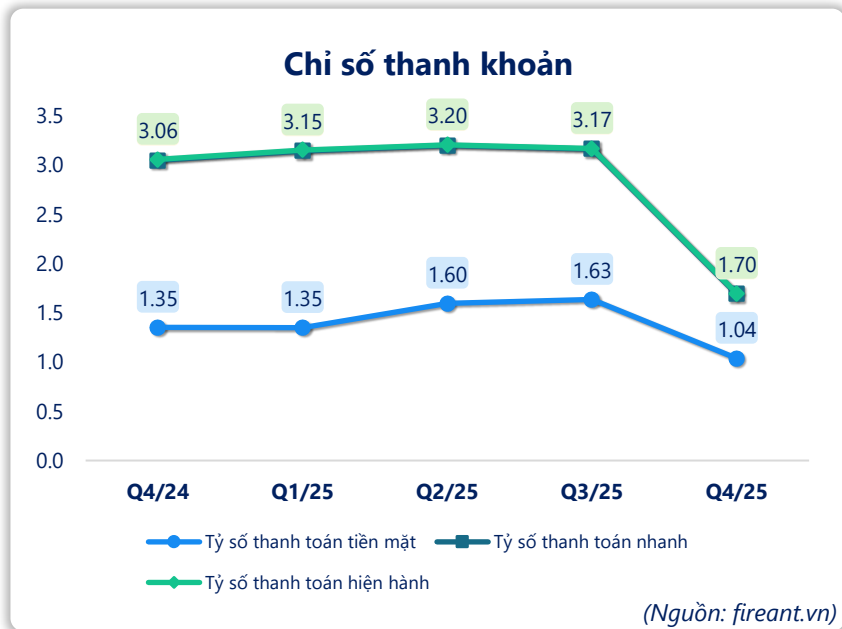
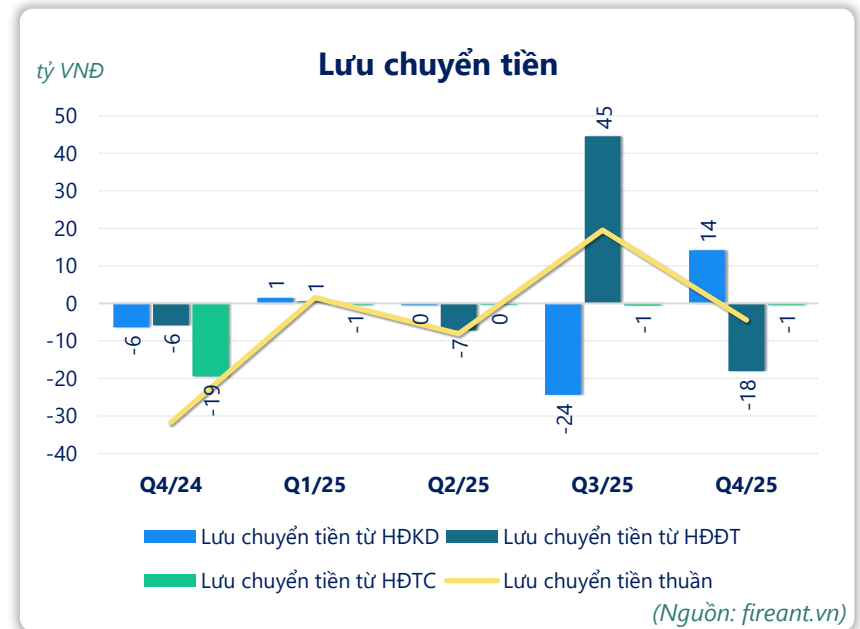


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,000
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15,000
% sở hữu nước ngoài		49.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		242
P/E		-12.2
EPS		-995

	YTD	1T	3T	6T
HGT	16.3%	-13.6%	-13.6%	13.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	254	256	-0.8%
Tài sản ngắn hạn	102	127	-19.5%
Tiền và tương đương tiền	62.5	54.0	15.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	45.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	38.5	27.3	41.1%
Hàng tồn kho	0.45	0.41	9.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.80	0.30	167%
Tài sản dài hạn	152	129	17.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	36.6	39.0	-6.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	28.4	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	81.6	84.5	-3.4%
Tài sản dài hạn khác	5.22	5.67	-7.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	67.7	49.8	35.9%
Nợ ngắn hạn	60.3	40.4	49.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.00	2.00	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.91	1.05	-13.0%
Nợ dài hạn	7.39	9.39	-21.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.39	9.39	-21.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	186	206	-9.6%
Vốn chủ sở hữu	186	206	-9.6%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	13.9	13.3	10.2	6.94	8.08
Giá vốn hàng bán	10.7	10.6	9.48	6.64	6.71
Lợi nhuận gộp	3.16	2.65	0.70	0.30	1.37
Doanh thu HĐTC	0.63	0.96	4.51	0.70	0.99
Chi phí TC	2.55	-1.54	1.92	2.05	1.27
Chi phí lãi vay	0.31	0.21	0.21	0.20	0.19
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.36	0.36	0.25	0.29	0.33
Chi phí QLDN	10.1	2.97	3.33	2.94	17.6
LN thuần từ HĐKD	-9.18	1.82	-0.29	-4.27	-16.8
Lợi nhuận khác	0.01	0.01	0.03	-0.42	0.02
LN trước thuế	-9.17	1.83	-0.26	-4.69	-16.8
Lợi nhuận sau thuế	-9.17	1.83	-0.26	-4.69	-16.8
LNST của CĐ cty mẹ	-9.17	1.83	-0.26	-4.69	-16.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.37	1.46	-0.47	-24.4	14.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.88	0.56	-7.21	44.5	-18.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.5	-0.50	-0.39	-0.61	-0.50
Tiền đầu kỳ	85.7	54.0	55.5	47.4	66.9
Lưu chuyển tiền thuần	-31.7	1.52	-8.07	19.5	-4.42
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	54.0	55.5	47.4	66.9	62.5

(Nguồn: fireant.vn)